

Bản án số: 129/2025/KDTM-ST  
Ngày: 29-9-2025  
V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán  
hàng hoá”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thanh Nhân.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

- Ông Bùi Hoàng Nguyên;
- Bà Đàm Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Ngọc Phương - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2025/TLST-KDTM ngày 07 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 507/2025/QĐXXST-KDTM ngày 21 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 424/2025/QĐST-KDTM ngày 10 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty S

Người đại diện theo pháp luật:

- Ông Trần Lâm H;
- Bà Phạm Nữ Ánh H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh T, sinh năm: 1998 (có mặt)  
(Theo giấy ủy quyền số 2690/UQ-CFOOD ngày 23/6/2025)

Cùng địa chỉ: 199-205 đường Nguyễn Thái Học, phường B, Thành phố H

- **Bị đơn:** Công ty TNHH C (vắng mặt)

Địa chỉ: 95 Bắc Hải, phường H, Thành phố H

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hồng L, sinh năm: 1984

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2025 của nguyên đơn Công ty S và các bản tự khai do ông Phan Thanh T là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 08/05/2019, Công ty S và Công ty TNHH C ký kết Biên bản ghi nhớ về việc nhượng quyền Co.op Food. Theo nội dung Biên bản ghi nhớ, Công ty S đồng ý

nhượng quyền và Công ty TNHH C đồng ý nhận nhượng quyền nhằm thực hiện việc kinh doanh dưới thương hiệu Co.op Food tại địa chỉ 95 Bắc Hải, Phường 15, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/05/2019, Công ty S và Công ty TNHH C ký kết Hợp đồng mua bán hàng hoá số 259/HĐCU/2019. Theo nội dung Hợp đồng: Các mặt hàng thực phẩm tươi sống, thực phẩm công nghệ, rượu, bia thuốc lá, hoá phẩm, may mặc, đồ dùng và hàng lưu niệm các loại do Công ty S và Công ty TNHH C thoả thuận; Thời hạn thanh toán: trong vòng 10 ngày kể từ ngày Công ty TNHH C nhận hàng; Đảm bảo nghĩa vụ thanh toán: trước thời điểm bắt đầu đặt hàng, Công ty TNHH C phải chuyển khoản cho Công ty S số tiền 100.000.000 đồng.

Ngày 11/02/2020, Công ty TNHH C gửi công văn số 01/TT-CN về việc ngưng hoạt động kinh doanh Công ty S nhượng quyền Bắc Hải, đính kèm bảng kê trang thiết bị của cửa hàng Co.op Food nhượng quyền Bắc Hải.

Ngày 13/02/2020, Công ty S và Công ty TNHH C tiến hành họp về công nợ và Công ty TNHH C mong muốn Công ty S thu hồi tài sản để cản trừ công nợ của Công ty S nhượng quyền Bắc Hải; và Công ty TNHH C sẽ gửi công văn và toàn bộ chứng từ tài sản của Co.op Food nhượng quyền Bắc Hải cho Công ty S để tiến hành thẩm định giá trị tài sản.

Ngày 24/03/2020, Công ty S và Công ty TNHH C ký kết Hợp đồng kinh tế về việc bán tài sản, công cụ dụng cụ Cửa hàng nhượng quyền Bắc Hải tổng giá trị Hợp đồng: 444.644.707 đồng; Phương thức thanh toán: Cản trừ công nợ.

Ngày 07/05/2020, Công ty S và Công ty TNHH C tiến hành họp liên quan đến công nợ Bắc Hải. Theo đó, tổng công nợ còn lại sau khi cản trừ (tạm tính đến thời điểm này) là 282.605.556 đồng.

Nay tại toà đề nghị xử chấp nhận các yêu cầu sau:

Chấm dứt thực hiện Biên bản ghi nhớ về việc nhượng quyền đề ngày 08/05/2019 giữa Công ty S và Công ty TNHH C;

Buộc Công ty TNHH C phải thanh toán khoản phí nhượng quyền 150.000.000 đồng cho Công ty S và khoản lãi do chậm thanh toán khoản phí nhượng quyền này với mức lãi suất tạm tính là 13.65%/năm, tính từ ngày 08/05/2019 đến khi thanh toán đầy đủ, tạm tính đến hết ngày 31/12/2024 là 115.781.918 đồng. Tổng công nợ khoản phí và lãi chậm thanh toán các khoản phí là 265.781.918 đồng.

Buộc Công ty TNHH C phải thanh toán cho Công ty S Food số tiền là 57.033.270 đồng, bao gồm: Tiền nợ hàng hóa theo Giấy xác nhận công nợ ngày 30/10/2020 là 34.605.582 đồng; Khoản lãi chậm trả đối với số tiền 34.605.582 đồng với lãi suất 13.65%/năm tính từ ngày 03/04/2020 đến ngày thực tế thanh toán đầy đủ, tạm tính đến hết ngày 31/12/2024 là 22.427.688 đồng;

Tổng cộng số tiền mà Công ty S yêu cầu Công ty TNHH C thanh toán là **322.815.188 đồng.**

Bị đơn Công ty TNHH C vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên không có lời khai cũng như không tham gia tố tụng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Căn cứ hợp đồng kinh tế cũng như các giấy xác nhận công nợ có cơ sở xác định đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp số 0315596097 đăng ký lần đầu ngày 29/3/2019 địa chỉ của bị đơn Công ty TNHH C là 95 Bắc Hải, phường H, Thành phố H cư trú tại Khu vực 4, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về tư cách tham gia tố tụng:

[3.1] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 27/12/2024 có cơ sở xác định ông Trần Lâm H và bà Phạm Nữ Ánh H là người đại diện theo pháp luật của công ty. Xét giấy ủy quyền số 2690/UQ-CFOOD ngày 23/6/2025 của Công ty Saigon Co.op là hợp lệ nên ông Phan Thanh T đủ tư cách đại diện nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án.

[3.2] Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29/3/2019 có cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Hồng L là người đại diện theo pháp luật của công ty.

[3.4] Xét bị đơn Công ty TNHH C đã được Tòa án tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và triệu tập họp lần thứ hai nhưng bị đơn vẫn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên căn cứ điểm d khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về chấm dứt biên bản ghi nhớ về việc chuyển nhượng quyền ngày 08/5/2019 ký giữa công ty Saigon Co.op và Công ty TNHH C, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại các nội dung của biên bản ghi nhớ các bên có thoả thuận về quyền và trách nhiệm cũng như điều khoản chung nhưng không thoả thuận về việc chấm dứt. Do đó, căn cứ vào các quy định pháp luật để xem xét giải quyết yêu cầu này của nguyên đơn. Xét công văn số 01/TT-CN ngày 11/02/2020 của Công ty TNHH C có nội dung đề nghị Co.op Food xem xét nhận lại toàn bộ trang thiết

bị đầu tư, cản trở công nợ hiện tại. Căn cứ Điều 422 Bộ luật dân sự quy định về chấm dứt hợp đồng khi bị huỷ bỏ hoặc đơn phương chấm dứt. Nhận thấy, Công ty TNHH C xác định việc ký biên bản ghi nhớ để nhượng quyền Co.op Food nhưng do việc cạnh tranh dẫn đến doanh thu không đạt cũng như chi phí vận hành tăng cao, điều kiện nhân sự nên gặp nhiều khó khăn và đề xuất sang nhượng hợp đồng. Từ những phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu nguyên đơn.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn thanh toán khoản phí nhượng quyền 150.000.000 đồng và lãi chậm thanh toán, Hội đồng xét xử nhận thấy tại khoản 2.2 Điều 2 của Biên bản ghi nhớ thể hiện bên nhận quyền nộp phí nhượng quyền ban đầu là 150.000.000 đồng sau khi ký biên bản ghi nhớ. Tại các giấy xác nhận số dư công nợ hai bên đối chiếu cũng không đề cập đến số tiền này. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh bị đơn còn nợ 150.000.000 đồng nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

[6] Xét yêu cầu trả tiền hàng còn thiếu: số tiền là 57.033.270 đồng, bao gồm 34.605.582 đồng nợ gốc theo Giấy xác nhận công nợ ngày 30/10/2020; khoản lãi chậm trả với lãi suất 13,65%/năm tính từ ngày 03/4/2020 đến ngày thực tế thanh toán đầy đủ, tạm tính đến hết ngày 31/12/2024 là 22.427.688 đồng, nhận thấy: Căn cứ giấy xác nhận công nợ ngày 30/6/2020; ngày 31/7/2020; ngày 31/8/2020 và ngày 31/10/2020 có cơ sở xác định Công ty TNHH C còn nợ số tiền gốc là 34.605.582 đồng. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền ... và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả...”. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà nguyên đơn áp dụng mức lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường là 13.65%/năm nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ cho việc áp dụng mức lãi suất này. Mặt khác, hai bên chốt công nợ năm 2020 và nguyên đơn có văn bản đề nghị thanh toán năm 2021 nhưng nguyên đơn vẫn không đi khởi kiện, do bị đơn vắng mặt cũng không có ý kiến trình bày nên không xem xét thời hiệu của vụ án. Qua tham khảo mức lãi suất cho vay đối với doanh nghiệp của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam có lãi suất cho vay trung bình là 7.8%/ năm; Ngân hàng TMCP S là 8.5%/năm và Ngân hàng TMCP C là 8.9%/năm. Như vậy, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường là 12.6%/năm, tương đương 0.035%/ngày. Theo Công văn 2572/CV-CFOOD ngày 23/7/2021 nguyên đơn có nêu yêu cầu thanh toán số nợ còn thiếu trong vòng 05 ngày từ ngày nhận được công văn này và phiếu báo phát có cơ sở tính tiền chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 29/7/2021 tạm tính đến ngày xét xử 29/9/2025 là 1524 ngày. Do đó, số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn được tính như sau:  $34.605.582 \text{ đồng} \times 0.035\%/\text{ngày} \times 1524 \text{ ngày} = 18.458.617 \text{ đồng}$ .

Từ những phân tích nêu trên có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu này của nguyên đơn với số tiền 53.064.199 đồng.

[7] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận một phần nên các đương sự chịu án phí theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 117; Điều 158; Điều 280; Điều 422 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 306 Luật Thương mại;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

[1] Chấp nhận yêu cầu của Công ty S về chấm dứt biên bản ghi nhớ về việc chuyển nhượng quyền ngày 08/5/2019 ký giữa Công ty S và Công ty TNHH C.

[2] Chấp nhận yêu cầu buộc Công ty TNHH C thanh toán cho Công ty S số tiền gốc còn thiếu là 34.605.582 đồng.

[3] Chấp nhận một phần yêu cầu buộc Công ty TNHH C thanh toán cho Công ty S số tiền chậm thực hiện nghĩa vụ tạm tính đến ngày 29/9/2025 là 18.458.617 đồng. Không chấp nhận thanh toán tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là 3.969.071 đồng (trong số tiền yêu cầu là 22.427.688 đồng).

Tổng số tiền Công ty TNHH C thanh toán cho Công ty S là 53.064.199 đồng. Tiền chậm thực hiện nghĩa vụ được tiếp tục tính từ ngày 30/9/2025 theo mức lãi suất 0.035%/ngày trên số tiền phải thi hành cho đến khi thi hành xong nghĩa vụ.

[4] Không chấp nhận yêu cầu buộc Công ty TNHH C thanh toán cho Công ty S số tiền 150.000.000 đồng và tiền chậm thực hiện nghĩa vụ là 115.781.918 đồng. Tổng cộng là 265.781.918 đồng.

[5] Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

[5.1] Đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận: Công ty TNHH C chịu 3.000.000 đồng.

[5.2] Đối với yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận: Công ty S chịu 13.487.549 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.070.380 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001273 ngày 02/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty S phải nộp thêm 5.417.169 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết./.

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND Khu vực 4;
- Phòng THADS Khu vực 4;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

**Trần Thanh Nhàn**